

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VITRAVICO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VITRAVICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITRAVICO DESIGN CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DCTECH .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107394445

3. Ngày thành lập: 11/04/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 93 - D3, tổ 66, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974 253 831

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
2.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
4.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
5.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
6.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
7.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
9.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
12.	Sản xuất máy luyện kim	2823
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
15.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
17.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
18.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420

20.	Đúc sắt, thép	2431
21.	Đúc kim loại màu	2432
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
27.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
28.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
29.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Bốc xếp hàng hóa	5224
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
42.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
44.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
45.	Tái chế phế liệu	3830
46.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
47.	Xây dựng công trình công ích	4220
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
49.	Phá dỡ	4311
50.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610

55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
56.	Bán buôn gạo	4631
57.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;	4633
58.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
59.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4933
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM	Tầng 11, Toà nhà VINACONEX 9, Lô HH2 - 2 Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0102722910	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	NGUYỄN TUẤN MINH	P702 - CT3A Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	25,000	013011365	
			Tổng số	25.000	250.000.000	25,000		
3	NGHIÊM ĐẮC TUỆ	Thôn Tân An, Xã Nhật Quang, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	145137509	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
4	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	Xóm 8, Xã Xuân Hồng, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	162881427	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
5	VŨ HOÀNG LINH	Tổ 66, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	012134035	
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **NGHIÊM ĐẮC TUỆ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *14/01/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *145137509*

Ngày cấp: *27/05/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hưng Yên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân An, Xã Nhật Quang, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 33, ngõ Giếng, phố Đông Các, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*